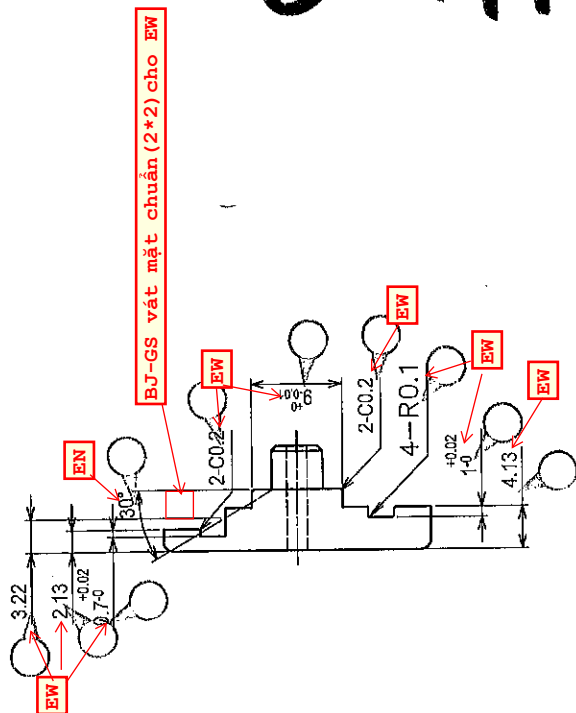
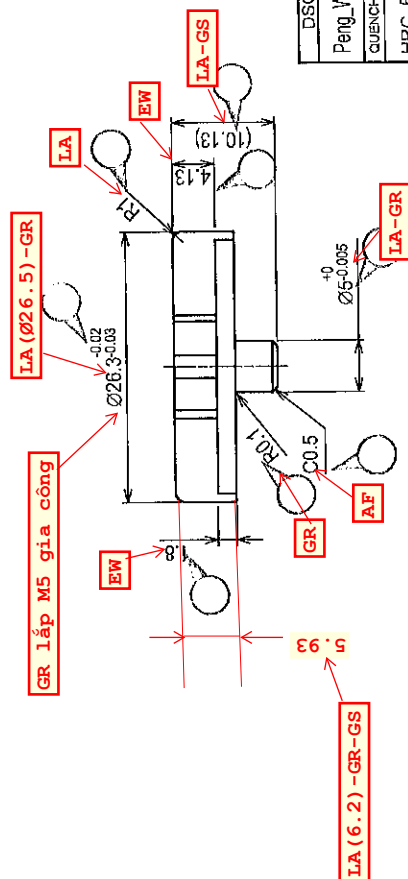
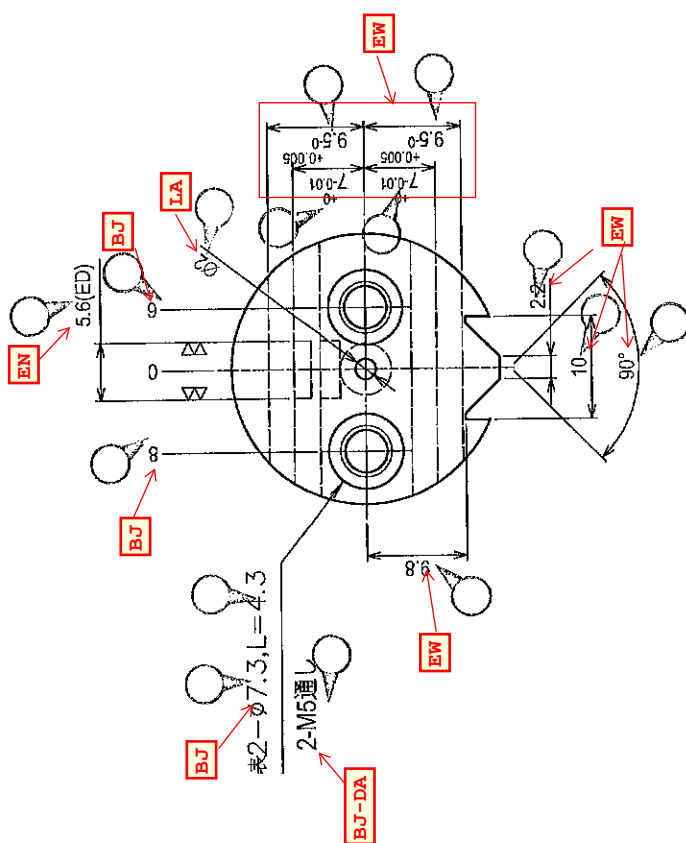


1.VẬT LIỆU:
SKD11
Ø30*20


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.	2016/11/07			Perp. Wrt. Dia		$0.5 \pm .5 \pm 6$ ± 0.1
△						$6 < . \leq 30$ ± 0.2
△						$30 < . \leq 120$ ± 0.3
△						$120 < . \leq 400$ ± 0.5
△						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES TO ALL DIMENSIONS UNLESS OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS	G ED	WV (W)
--------------	------	--------



BJ-GS vát mặt chuẩn (2*2) cho EW

630420

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Peng_Wei_Chun	Peng_Wei_Chun	部品図	ダイ押え
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	DIE HOLDING-DOWN
HRC 60 ° ~ 62 °		部品図	下模壓件
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SK011	2016/11/07	2:1	R069464

SNO: **R069464**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø30*20	LA:40 BJ:30 DA:10 HT:40 GR:60 GS:30 EW:90 EN:30 AF:10 KT